

THT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

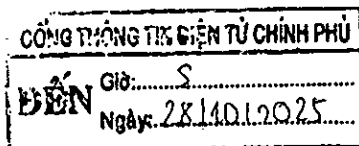
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2370/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ tăng cường năng lực sản xuất
chương trình truyền hình tiếng dân tộc giai đoạn 2026-2030**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 47/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam tại Tờ trình số 13/TTr-THVN ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Tờ trình số 21/TTr-THVN ngày 10 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ truyền hình tiếng dân tộc phục vụ cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

a) Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần bảo tồn văn hoá dân tộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện chính sách dân tộc, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

b) Chương trình truyền hình tiếng dân tộc được phát sóng 24 giờ/ngày trên kênh VTV5, VTV5 Tây Nam Bộ, VTV5 Tây Nguyên và VTV5 Tây Bắc. Tổng thời lượng chương trình sản xuất mới của 4 kênh tối đa 18 giờ/ngày (bình quân 4,5 giờ sản xuất mới/kênh/ngày).

c) Sản xuất các chương trình truyền hình tiếng dân tộc đăng tải trên các nền tảng số như: YouTube, Facebook, Instagram, TikTok,... nhằm cung cấp thêm các phương thức nghe, xem truyền hình để đồng bào dễ dàng tiếp cận thông tin.

d) Sản xuất, phát sóng 29 ngôn ngữ dân tộc gồm: H'Mông, Thái, Dao, Mường, Sán Chí, Ê Đê, Jơ Rai, Ba Na, Xê Đăng, Jê Triêng, Raglai, K'Ho, S'Tiêng, Chăm, Khmer, Pa Cô - Vân Kiều, Cơ Tu, Cao Lan (dân tộc Sán Chay), Hà Nhì, H'Re, Chu Ru, Chơ Ro, M'Nông, Tày, Hoa, Ca Dong, Cor, Mạ và tiếng Việt.

đ) Sản xuất, phát sóng chương trình Nông nghiệp - Nông dân - Nông thôn phục vụ đồng bào dân tộc. Thời lượng sản xuất mới trong năm 2026 là 25 phút/ngày, mỗi năm tăng thêm 5 phút sản xuất mới, bảo đảm đến năm 2030 sẽ sản xuất mới 45 phút/ngày.

e) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho 2.800 lượt người làm truyền hình tiếng dân tộc của các cơ quan Báo và Phát thanh truyền hình địa phương, các đơn vị thuộc Đài Truyền hình Việt Nam và 01 đơn vị bộ đội Biên phòng, trong đó tập huấn trao đổi trong nước 2.400 lượt và tập huấn trao đổi ngoài nước 400 lượt.

g) Đo lường, khảo sát thói quen, nhu cầu xem chương trình truyền hình tiếng dân tộc trên các kênh sóng của VTV5 và trên các nền tảng số.

2. Thời gian thực hiện: 2026 - 2030.

3. Đài Truyền hình Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Sắp xếp cơ sở vật chất, đảm bảo việc sản xuất chương trình truyền hình và sản phẩm nội dung số về dân tộc.

b) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền hình, đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ tuyên truyền công tác dân tộc.

4. Việc cung ứng dịch vụ truyền hình tiếng dân tộc thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ:

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ theo nguyên tắc: Ngân sách trung ương chi cho việc tổ chức đào tạo (gồm: chi phí phòng học,

tài liệu, ăn, nghỉ của giảng viên và học viên trong thời gian đào tạo, chi phí tổ chức đào tạo khác); Các cơ quan Báo và Phát thanh truyền hình địa phương chỉ cho việc đi lại của học viên được cử tham gia các lớp đào tạo theo chế độ quy định.

b) Kinh phí sản xuất, phát sóng chương trình truyền hình tiếng dân tộc (bao gồm chương trình Nông nghiệp - Nông dân - Nông thôn ở vùng đồng bào dân tộc; chương trình truyền hình tiếng dân tộc đăng tải trên các nền tảng số); đo lường, khảo sát thói quen, nhu cầu xem chương trình truyền hình tiếng dân tộc trên các kênh sóng của VTV5 và trên các nền tảng số theo kế hoạch hàng năm được Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam phê duyệt.

2. Đài Truyền hình Việt Nam chịu trách nhiệm bố trí kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của Đài để thực hiện các nhiệm vụ khác ngoài nhiệm vụ đã được Ngân sách Nhà nước bố trí kinh phí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đài Truyền hình Việt Nam:

a) Xây dựng và phê duyệt nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất chương trình truyền hình tiếng dân tộc, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

b) Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí, trong đó thuyết minh rõ dự toán đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và từ nguồn thu của Đài gửi Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt, bảo đảm đúng quy định pháp luật, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí, chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, bảo mật, an ninh an toàn thông tin, truyền dẫn, phát sóng dịch vụ truyền hình tiếng dân tộc.

d) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định, bảo đảm đúng các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành, quy chế chi tiêu của Đài Truyền hình Việt Nam. Tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí tài sản, tài chính công trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, đảm bảo hoàn thành đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

đ) Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung đã báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 13/TTr-THVN ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Tờ trình số 21/TTr-THVN ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Bộ Tài chính bố trí kinh phí thường xuyên từ ngân sách trung ương để hỗ trợ thực hiện dịch vụ truyền hình tiếng dân tộc theo quy định tại Quyết định này, quy định của pháp luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Các cơ quan Báo và Phát thanh truyền hình địa phương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Đài Truyền hình Việt Nam trong việc sản xuất nội dung

để phát sóng các chương trình truyền hình tiếng dân tộc trên địa bàn và trên các kênh VTV5; Cử người tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực được đào tạo trong việc triển khai thực hiện Đề án.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Chỉ đạo các cơ quan Báo và Phát thanh truyền hình địa phương phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện Đề án.

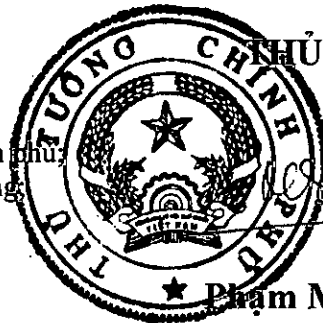
Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, QHĐP, PL, NC;
- Lưu: VT, KGVX (2). 26b



THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính